

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **44 /2019/HNGĐ-ST**
Ngày: 17/6/2019
V/v: “ Tranh chấp hôn nhân
gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Pên toà: Ông Phan Văn Thể.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Ngọc Côn.

2. Ông Nguyễn Tất Bấy.

Thư ký Pên toà: Ông Nguyễn Đức Nhường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia Pên toà:
Ông Trần Quang Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 174/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019 về việc: “Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/29/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nông Thị T - Sinh năm 1985.

Trú quán: Thôn T – Xã BĐ – Huyện LN - Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Viên Văn Đ - Sinh năm 1981.

Trú quán: Thôn T – Xã BĐ – Huyện LN - Bắc Giang.

(Chị T có mặt, anh Đ vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/4/2019 và những lời khai của nguyên đơn chị Nông Thị T, lời khai của bị đơn anh Viên Văn Đ trong quá trình xét xử thì nội dung vụ án như sau:

Chị Nông Thị T và anh Viên Văn Đ kết hôn vào tháng 12 năm 2003. Trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo đúng phong tục địa phương, có đến Ủy ban nhân dân xã BD – Huyện LN - Bắc Giang.

đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới chị T, anh Đ về chung sống cùng nhau ngay và ở tại nhà mẹ đẻ chị T ở Trú quán: Thôn T – Xã BD – Huyện LN - Bắc Giang. Chị T anh Đ đều xác nhận cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc. Đến tháng 5 năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do hai bên không hợp nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm sống và không bảo ban được nhau trong việc làm ăn kinh tế do đó dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Chị T còn cho rằng anh Đ thường xuyên rượu chè không quan tâm tới gia đình. Tình trạng mâu thuẫn giữa chị T, anh Đ kéo dài tới nay không cải thiện được tình cảm. Nay chị T anh Đ đều xác định không còn tình cảm vợ chồng với nhau. Chị T xin ly hôn, anh Đ đồng ý ly hôn.

Về con chung chị T, anh Đ có hai con chung là: Cháu Viên Hòa L - sinh ngày 17/5/2004 và Viên Quốc Bảo P - Sinh ngày 17/9/2007. Vợ chồng ly hôn chị T nhận nuôi cả hai con chung không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị, anh Đ đồng ý để chị T nuôi dưỡng cả hai con chung. Cháu Viên Hoa L và cháu Viên Quốc Bảo P trình bày ý kiến nếu bố mẹ ly hôn thì hai cháu có nguyện vọng được ở với mẹ là chị T.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác: Chị T, anh Đ không đề nghị toà án giải quyết.

Tại Phiên tòa chị Nông Thị T vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ và cho chị được nuôi dưỡng con chung là Viên Hoa L và cháu Viên Quốc Bảo P. Anh Đ vắng mặt tại Phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại Phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và của các đương sự. Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị T: Cho chị Nông Thị T được ly hôn với anh Viên Văn Đ.

Về con chung: Giao cho chị Nông Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Viên Hòa L - sinh ngày 17/5/2004 và Viên Quốc Bảo P - Sinh ngày 17/9/2007. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn anh Viên Văn Đ được quyền đi lại thăm nuôi con chung không ai được ngăn cản anh Đ thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị Nông Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: AA/2018/0005441 ngày 24/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Pên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại Pên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng: Chị Nông Thị T khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết ly hôn, con chung với anh Viên Văn Đ. Đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án theo quy định cho chị T, anh Đ. Chị T anh Đ cũng đã có bản khai trình bày với Tòa án. Tại Pên tòa hôm nay anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 xét xử vắng mặt anh Đ.

[2]: Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Về quan hệ hôn nhân: Chị T, anh Đ tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào tháng 12 năm 2003 có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Xã BĐ – Huyện LN - Bắc Giang theo quy định của pháp luật, do vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, đến nay không ai còn quan tâm tới ai. Chị T đề nghị giải quyết ly hôn với anh Đ, anh Đ đồng ý. Tại phiên tòa

hôm nay chị T kiên quyết không muốn về đoàn tụ cùng anh Đ. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T anh Đ mâu thuẫn là có thật, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài một thời gian đến nay đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị T: Cho chị T được ly hôn với anh Đ.

[3] Về con chung: Chị T anh Đ có 02 con chung là cháu Viên Hòa L - sinh ngày 17/5/2004 và Viên Quốc Bảo P - Sinh ngày 17/9/2007. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng chăm sóc cháu L và cháu P và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng, anh Đ đồng ý để chị T nuôi dưỡng cả hai con chung. Cháu L và cháu P đều có nguyện vọng ở với chị T khi bố mẹ ly hôn. Do vậy cần giao cháu L và cháu P cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân gia đình và phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết, vì các đương sự không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác: Chị T, anh Đ không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nông Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

** Vì các lẽ trên.*

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị T: Cho chị Nông Thị T được ly hôn với anh Viên Văn Đ.

Về con chung: Giao cho chị Nông Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Viên Hòa L - sinh ngày 17/5/2004 và Viên Quốc Bảo P - Sinh ngày 17/9/2007. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn anh Viên Văn Đ được quyền đi lại thăm nuôi con chung không ai được ngăn cản anh Đ thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị Nông Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: AA/2018/0005441 ngày 24/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- Toà án ND tỉnh Bắc Giang
- Viện kiểm ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Lục Ngạn;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Chi cục THA huyện Lục Ngạn.
- UBND xã BĐ, huyện Lục Ngạn;
- Tỉnh Bắc Giang.
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PÊN TOÀ**

ĐÃ KÝ

Phan Văn Thể